ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 224 /UBND-NNTNMT V/v cấp xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới.	*Thái Bình, ngày 23 tháng 01 năm 2015*

Kính gửi:
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);
- Ủy ban nhân dân các huyện: Hưng Hà, Đông Hưng, Vũ Thư, Kiến Xương, Tiền Hải, Quỳnh Phụ;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà.

Xét đề nghị của Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình tại Tờ trình số 05/TTr-QĐTPT ngày 21/01/2015 về việc cấp xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Giao Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình cùng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà tiếp tục cấp xi măng cho các xã thuộc các huyện Hưng Hà, Đông Hưng, Vũ Thư, Kiến Xương, Tiền Hải, Quỳnh Phụ đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 14/VP-TB ngày 29/4/2014 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý, bảo quản, sử dụng xi măng, với tổng khối lượng 9.483,00 tấn, trong đó:

+ Huyện Hưng Hà:	2.830,80 tấn;
+ Huyện Đông Hưng:	1.879,40 tấn;
+ Huyện Vũ Thư:	402,90 tấn;
+ Huyện Kiến Xương:	2.830,70 tấn;
+ Huyện Tiền Hải:	1.452,00 tấn;
+ Huyện Quỳnh Phụ:	87,20 tấn;

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo),

Số lượng xi măng trên đã được phê duyệt tại các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Yêu cầu:

+ Sở Thông tin và Truyền thông thông báo khối lượng xi măng cấp cho các xã thuộc các huyện Hưng Hà, Đông Hưng, Vũ Thư, Kiến Xương, Tiền Hải, Quỳnh Phụ trên Cổng Thông tin Điện tử của tỉnh;

+ Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo khối lượng xi măng được cấp tại Công văn này;

+ Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện Hưng Hà, Đông Hưng, Vũ Thư, Kiến Xương, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Doanh nghiệp cung ứng xi măng: giao xi măng cho các xã theo khối lượng được cấp tại Công văn này;

+ Ủy ban nhân dân các huyện Hưng Hà, Đông Hưng, Vũ Thư, Kiến Xương, Tiền Hải, Quỳnh Phụ, Ủy ban nhân dân các xã được cấp xi măng hỗ trợ thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng, thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình đảm bảo quy định của tỉnh và quy định của Nhà nước./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

Phụ lục

KHỐI LƯỢNG XI MĂNG CẤP CHO CÁC XÃ THUỘC CÁC HUYỆN HƯNG HÀ, ĐÔNG HƯNG, VŨ THƯ, KIẾN XƯƠNG, TIỀN HẢI VÀ QUỲNH PHỤ

(Kèm theo Công văn số 224 /UBND-NNTNMT ngày 23/01/2015 của UBND tỉnh).

TT	Huyện, xã	Lượng xi măng được duyệt (tấn)	Lượng xi măng đã nhận (tấn)	Lượng xi măng được cấp tiếp (tấn)	Thời gian nhận
I	**Hưng Hà**			**2.830,80**	
1	Hòa Bình	2.488,80	2.187,70	301,10	23/01 - 31/01/2015
2	Minh Tân	3.447,40	3.417,00	30,40	23/01 - 24/01/2015
3	Minh Hòa	4.565,70	4.486,80	78,90	23/01 - 26/01/2015
4	Kim Trung	3.014,00	2.912,35	101,65	23/01 - 27/01/2015
5	Thái Hưng	2.325,40	1.885,40	440,00	23/01 - 12/02/2015
6	Thống Nhất	7.182,10	6.553,30	628,80	23/01 - 30/3/2015
7	Tân Tiến	1.763,50	1.119,50	644,00	23/01 - 12/02/2015
8	Dân Chủ	2.520,90	1.914,95	605,95	23/01 - 12/02/2015
II	**Đông Hưng**			**1.879,40**	
1	Minh Châu	681,30	539,30	92,50	23/01 - 25/01/2015
2	Minh Tân	4.564,10	3.505,70	998,40	23/01 - 30/3/2015
3	Hồng Châu	3.596,60	3.444,80	151,80	23/01 - 30/01/2015
4	Đông Kinh	3.784,80	2.816,35	636,70	23/01 - 15/3/2015
III	**Vũ Thư**			**402,90**	
1	Song An	4.194,00	3.519,80	402,90	23/01 - 10/02/2015
IV	**Kiến Xương**			**2.830,70**	
1	Quang Trung	5.124,50	2.171,10	2.278,10	23/01 - 30/3/2015
2	An Bình	2.651,10	2.593,40	57,70	23/01 - 25/01/2015
3	Nam Bình	3.180,30	2.488,10	494,90	23/01 -10/02/2015
V	**Tiền Hải**			**1.452,00**	
1	Nam Hưng	2.917,40	1.984,00	310,80	23/01 - 05/02/2015
2	Đông Long	3.229,30	1.868,70	748,60	23/01 - 12/02/2015
3	Bắc Hải	4.562,90	3.354,50	242,75	23/01 - 10/02/2015
4	Đông Xuyên	4.412,60	2.934,55	149,85	23/01 - 31/01/2015
VI	**Quỳnh Phụ**			**87,20**	
1	An Ấp	2.451,60	2.362,80	87,20	23/01 - 26/01/2015
Tổng (I+II+III+IV+V+VI)				**9.483,00**	
(Chín nghìn bốn trăm tám mươi ba tấn).					

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
23/01/2015 09:20:56